

Số: /TB-CHHĐTVN

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thanh lý của
Cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024, quy định chi tiết một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính, ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về quy tắc đạo đức nghề nghiệp thẩm định giá, phạm vi công việc thẩm định giá, cơ sở thẩm định giá, hồ sơ thẩm định giá; Thông tư số 31/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ tài chính, ban hành Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về Thu thập và phân tích thông tin về tài sản thẩm định giá; Thông tư số 32/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ tài chính, ban hành các chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về cách tiếp cận từ thị trường, cách tiếp cận từ chi phí, cách tiếp cận từ thu nhập;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-VP ngày 07/11/2025 của Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc thanh lý tài sản cố định của cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo kế hoạch lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thanh lý như sau:

I. Tên, địa chỉ của tổ chức có tài sản định giá:

- Tên tổ chức: Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam
- Địa chỉ: Số 8 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

II. Thông tin tài sản thẩm định giá

Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đính kèm Phụ lục Danh mục tài sản thanh lý kèm theo.

III. Mục đích thẩm định giá

Làm cơ sở để xác định mức giá khởi điểm để lựa chọn hình thức bán tài sản thanh lý.

IV. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá

- Tổ chức thẩm định giá được lựa chọn phải đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật về thẩm định giá và có tên trong danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm hiện hành.

- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn không thuộc trường hợp không được thẩm định giá theo quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hồ sơ pháp lý đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật (có bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh).

- Phương án thẩm định giá phù hợp theo đúng quy định của pháp luật.
- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín trong công tác thẩm định giá tài sản.
- Thù lao dịch vụ định giá, chi phí định giá tài sản phù hợp.

V. Hồ sơ gồm có

- Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp.
- Bản mô tả năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp (có các hợp đồng điển hình liên quan đến tài sản thẩm định giá mà doanh nghiệp đã thực hiện).
- Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá (đã bao gồm chi phí đi thẩm định).

VI. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá tài sản

- Thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá là **03 ngày** (kể từ 8 giờ ngày 03/12/2025 đến 17 giờ ngày 05/12/2025).
- Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá tài sản: Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Địa chỉ: Số 8 Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Đầu mối liên hệ: Đặng Thu Ngân , điện thoại: 0964878806, Hồ sơ có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

VII. Một số lưu ý

- Thông báo này hết hiệu lực trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không được lựa chọn theo quy định của pháp luật.
- Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam sẽ có quyết định phê duyệt lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá và gửi văn bản đề nghị thẩm định giá tài sản cho doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn, những đơn vị không nhận được thông báo được hiểu là không được lựa chọn. Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam không hoàn trả hồ sơ cho những đơn vị không được lựa chọn.

Quá thời hạn trên, nếu không có tổ chức gửi hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá tài sản, Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam sẽ chỉ định tổ chức thẩm định giá tài sản theo quy định.

Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo để các tổ chức thẩm định giá tài sản biết và đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- PCT Tổng Hoàng Kha (để b/c);
- Chánh Văn phòng (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Cục HHĐTVN;
- Lưu: VT, VP.

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Phương Hoa

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC TÀI SẢN CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM ĐỀ NGHỊ THANH LÝ
(Kèm theo Thông báo số /TB-VP ngày /12/2025
của Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Máy tính để bàn					
1	Máy tính để bàn (CPU HP, màn hình Samsung)	2003	1	65,678,450	65,678,450	0
2	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình LG)	2003	11	654,009,895	654,009,895	0
3	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình IBM)	2004	10	552,611,000	552,611,000	0
4	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Samsung)	2005	6	344,958,996	344,958,996	0
5	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Viewsonic)	2005	2	111,216,000	111,216,000	0
6	Máy tính để bàn (CPU IBM, màn hình LG)	2006	1	56,980,800	56,980,800	0
7	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình HP)	2006	1	69,946,593	69,946,593	0
8	Máy tính để bàn (CPU IBM, màn hình LG)	2007	2	100,342,700	100,342,700	0
9	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình LG)	2007	1	54,522,000	54,522,000	0
10	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Samsung)	2007	7	402,444,595	402,444,595	0
11	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Dell)	2007	2	257,388,000	257,388,000	0
12	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Acer)	2007	2			
13	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình LG)	2008	3	179,265,048	179,265,048	0
14	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Samsung)	2008	7	373,241,211	373,241,211	0

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
15	Máy tính để bàn (CPU IBM, màn hình Samsung)	2009	5	271,389,000	271,389,000	0
16	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Samsung)	2009	7	367,133,648	367,133,648	0
17	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Compaq)	2010	1	60,553,000	60,553,000	0
18	Máy tính để bàn (CPU IBM, màn hình HP)	2010	1	56,400,000	56,400,000	0
19	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình LG)	2010	3	176,140,000	176,140,000	0
20	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình LG)	2011	1	59,678,000	59,678,000	0
21	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Samsung)	2011	8	471,693,816	471,693,816	0
22	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Samsung)	2012	3	178,045,998	178,045,998	0
23	Máy tính để bàn (CPU lắp ráp, màn hình Samsung)	2013	1	62,500,000	62,500,000	0
	Tổng		86	4,926,138,750	4,926,138,750	0
II	Máy photo					
1	Máy photo Ricoh 2000	2009	1	67,709,000	67,709,000	0
2	Máy photo Fuji Xerox IV 4070	2012	1	199,800,000	199,800,000	0
	Tổng		2	267,509,000	267,509,000	0
III	Điều hòa nhiệt độ					
1	Điều hòa nhiệt độ Funiki	2013	4	123,180,444	123,180,444	0
2	Điều hòa nhiệt độ Daikin	2013	1	30,795,115	30,795,115	0
3	Điều hòa nhiệt độ Panasonic	2016	2	39,596,200	39,596,200	0
	Tổng		7	193,571,759	193,571,759	0
IV	Máy in hộ chiếu					
1	Máy in hộ chiếu Oliveti Pr2	2001	1	49,193,474	49,193,474	0
2	Máy in hộ chiếu Oliveti Plus2	2009	1	120,303,336	120,303,336	0
3	Máy in hộ chiếu PP380X	2009	2	240,606,666	240,606,666	0
4	Máy in hộ chiếu Tally 5023	2009	1	120,303,333	120,303,333	0
	Tổng		5	530,406,809	530,406,809	0

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
V	Thiết bị hội trường					
1	Thiết bị hội trường (đầu thu Kumyoung và âm ly HAS4600NX)	2004	1	35,008,990	35,008,990	0
2	Thiết bị hội trường (loa JRx200)	2009	4	107,881,511	107,881,511	0
3	Thiết bị hội trường (đầu thu CCS800)	2009	1			
4	Thiết bị hội trường (micro không dây đôi Boss-Bs777)	2009	1			
5	Thiết bị hội trường (âm ly Toa TS770CE)	2009	2			
6	Thiết bị hội trường (thiết bị âm thanh và karaoke Acnos)	2009	1			
	Tổng		10	142,890,501	142,890,501	0
	Tổng cộng		110	6,060,516,819	6,060,516,819	0

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC TÀI SẢN CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số /TB-VP ngày /12/2025
của Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

TT	Danh mục tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Văn phòng Đảng ủy		1	16,500,000	16,500,000	0
1	Máy vi tính VP nhập khẩu đồng bộ, màn hình 15" (Cvụ II)	2015	1	16,500,000	16,500,000	0
II	Văn phòng Cục		89	2,668,140,492	2,668,140,492	0
1	Máy vi tính HP Pavilion 390	2019	1	11,660,000	11,660,000	0
2	Máy in đa năng Xerox (Cvụ II)	2015	2	25,000,000	25,000,000	0
3	Máy vi tính Samsung i3 màn LCD 18,5" (Ban QLDA ĐTNĐ chuyển)	2017	1	11,418,000	11,418,000	0
4	Máy vi tính VP nhập khẩu đồng bộ, màn hình 15" (Cvụ II)	2015	1	16,500,000	16,500,000	0
5	Máy vi tính (thanh tra chuyển)	2010	1	16,100,000	16,100,000	0
6	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ III: màn hình máy tính HP V 272 27inch	2016	1	14,176,334	14,176,334	0
7	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ III: màn hình máy tính chuyên dụng HP Z27i 27 inch IPS Display	2016	1	60,980,000	60,980,000	0
8	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ III: máy tính chuyên dụng HP Z440 Work Station	2016	1	79,242,500	79,242,500	0
9	Máy vi tính TBT	2014	1	11,415,000	11,415,000	0
10	Máy vi tính (Phòng KHCN năm 2011)	2011	2	16,992,000	16,992,000	0
11	Máy tính xách tay 14" (Cvụ II)	2015	1	23,069,000	23,069,000	0
12	Máy vi tính sách tay (TBT)	2007	1	26,500,000	26,500,000	0
13	Máy chiếu (KHCN)	2004	1	20,215,600	20,215,600	0
14	Máy tính xách tay 14" (Cvụ II)	2015	1	23,000,000	23,000,000	0
15	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ II: 1 máy tính văn phòng	2016	1	20,415,000	20,415,000	0

TT	Danh mục tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
16	Máy vi tính: (P.TC,2)	2012	2	17,000,000	17,000,000	0
17	Máy vi tính Samsung phòng TC	2005	1	10,171,300	10,171,300	0
18	Máy vi tính Ô. Nhạc	2003	1	10,886,400	10,886,400	0
19	Tài sản dự án xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: Máy tính văn phòng Dell nhập khẩu đồng bộ màn 18,5"	2017	1	21,395,000	21,395,000	0
20	Máy tính xách tay 14" (Cvụ II)	2015	1	23,000,000	23,000,000	0
21	Máy vi tính sách tay phòng QLĐS	2006	1	24,042,900	24,042,900	0
22	Máy ảnh kỹ thuật số (QLĐS)	2005	1	13,018,000	13,018,000	0
23	Máy đo sâu 1 tần số R3 (QLĐS)	2007	1	178,600,000	178,600,000	0
24	Bộ lưu điện Infosec UPS dành cho máy chủ 3000V, 7 ổ cắm, màn hình LCD, cổng USB	2017	1	108,295,000	108,295,000	0
25	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ I: 2 thiết bị modem nhắn tin SMS	2016	2	30,927,000	30,927,000	0
26	Bộ lưu điện UPS dành cho máy chủ (04 chiếc Cvụ II)	2015	4	99,924,000	99,924,000	0
27	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ II: 1 bộ lưu điện UPS cho máy chủ	2016	1	108,459,000	108,459,000	0
28	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ II: 1 vật tư chuyên dụng	2016	1	39,609,000	39,609,000	0
29	Tài sản dự án xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: Máy tính văn phòng Dell nhập khẩu đồng bộ màn 18,5"	2017	4	85,580,000	85,580,000	0
30	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ III: máy tính HP Prodesk 400 G3	2016	1	41,258,000	41,258,000	0
31	Máy vi tính VP nhập khẩu đồng bộ, màn hình 15" (Cvụ II)	2015	1	16,500,000	16,500,000	0
32	Máy vi tính B. Hà	2003	1	10,886,400	10,886,400	0
33	Vi tính -2	1995	2	28,390,357	28,390,357	0
34	Máy tính xách tay 14" (Cvụ II)	2015	1	23,000,000	23,000,000	0

TT	Danh mục tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
35	Máy tính xách tay 14" (Cvụ II)	2015	1	23,000,000	23,000,000	0
36	Điều chuyển tài sản từ Cảng vụ I: 1 máy văn phòng đa chức năng	2016	1	12,550,000	12,550,000	0
37	Máy in lazer màu hai mặt wifi (Cvụ II)	2015	1	13,635,000	13,635,000	0
38	Máy photo (thanh tra chuyển)	2010	1	44,000,000	44,000,000	0
39	Máy photo	2003	1	141,680,800	141,680,800	0
40	Máy photocopy	2011	1	96,412,950	96,412,950	0
41	Máy ảnh (thanh tra chuyển)	2005	1	14,490,000	14,490,000	0
42	Camera panasonic	2000	1	26,720,000	26,720,000	0
43	Tivi hội trường	2013	1	24,000,000	24,000,000	0
44	Tivi 34 inch hội trường	2000	1	28,900,000	28,900,000	0
45	Dàn âm thanh hội trường đồng bộ	1998	1	18,900,000	18,900,000	0
46	Máy lọc nước	2002	2	28,600,000	28,600,000	0
47	Điều hòa nhiệt độ	2013	1	16,367,000	16,367,000	0
48	Tủ âm tường	2013	1	13,035,000	13,035,000	0
49	Tủ tài liệu gỗ	2013	1	23,435,500	23,435,500	0
50	Tủ tài liệu gỗ	2013	1	23,435,500	23,435,500	0
51	Ghế xoay cao cấp (2013)	2013	3	11,540,100	11,540,100	0
52	Phòng PCVT nhận TSCĐ từ dự án Canada: HP Laser Printer	2002	2	10,743,032	10,743,032	0
53	Văn phòng nhận TSCĐ từ dự án Canada:					
	<i>Máy tính Compaq Proliant ML 730</i>	2002	1	78,400,559	78,400,559	0
	<i>APC Smart UPS 1400</i>	2002	2	20,746,368	20,746,368	0
	<i>Windows NT</i>	2002	1	11,458,422	11,458,422	0
	<i>SQL server 5 Clients</i>	2002	1	19,590,660	19,590,660	0
	<i>Máy trạm PIII 600</i>	2002	2	34,530,300	34,530,300	0
	<i>Máy trạm PIII 600</i>	2002	1	17,265,150	17,265,150	0
	<i>Epson Scanner</i>	2002	1	40,731,660	40,731,660	0
	<i>Switch</i>	2002	1	30,302,100	30,302,100	0
	<i>Hard disk for sever</i>	2002	8	52,429,680	52,429,680	0

TT	Danh mục tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
	<i>Mapinto software</i>	<i>2002</i>	<i>1</i>	<i>20,859,120</i>	<i>20,859,120</i>	<i>0</i>
	<i>Solomon software</i>	<i>2002</i>	<i>1</i>	<i>450,608,000</i>	<i>450,608,000</i>	<i>0</i>
	<i>Digital camera</i>	<i>2002</i>	<i>1</i>	<i>11,979,900</i>	<i>11,979,900</i>	<i>0</i>
	<i>Projector</i>	<i>2002</i>	<i>1</i>	<i>40,167,900</i>	<i>40,167,900</i>	<i>0</i>
	Tổng cộng		90	2,684,640,492	2,684,640,492	0